



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II

NĂM HỌC 2022-2023

Môn: TOÁN HỌC

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Giá trị của biểu thức $A = -x^2 + 1$ tại $x = -1$ là:

- A. 0 B. 2 C. 1 D. -1

Câu 2: Nếu $8x = 3y$ và $x + y = 22$ thì

- A. $x = -6; y = -16$. B. $x = -16; y = -6$. C. $x = 6; y = 16$. D. $x = 6; y = -18$.

Câu 3: Cho biết x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận, khi $x = 5, y = 15$. Hệ số k của y đối với x là

- A. 3 B. $1/3$ C. 10 D. 75

Câu 4: Giá trị của đa thức $P(y) = -5y + 2$ bằng 0 khi y bằng

- A. $\frac{2}{5}$. B. $-\frac{2}{5}$. C. $\frac{5}{2}$. D. $-\frac{5}{2}$.

Câu 5: Bậc của đa thức $P(x) = -x^4 - 3x^3 + x^4 - x^2 + 3$ là

- A. 4 B. 3. C. 2. D. 0.

Câu 6: Cho đa thức $F(x) = ax^2 + 2x - 3$. Ta có $F(-2) = 0$ khi a bằng

- A. $\frac{11}{4}$. B. $\frac{5}{2}$. C. $\frac{7}{4}$. D. $-\frac{7}{4}$.

Câu 7: Trong các biến cố sau, biến cố nào là biến cố ngẫu nhiên?

- A. Trong điều kiện thường nước sôi ở $100^\circ C$. B. Tháng tư có 30 ngày.
C. Gieo một con xúc xắc 1 lần, số chấm xuất hiện trên mặt con xúc xắc là 7.
D. Gieo hai con xúc xắc 1 lần, tổng số chấm xuất hiện trên hai con xúc xắc là 7.

Câu 8: Gieo một đồng xu cân đối, đồng chất 1 lần. Xác suất của biến cố “Đồng xu xuất hiện mặt ngửa” là

- A. $\frac{1}{4}$. B. $\frac{1}{3}$. C. $\frac{1}{2}$. D. 1.

Câu 9: Đội múa có 1 bạn nam và 5 bạn nữ. Chọn ngẫu nhiên 1 bạn để phỏng vấn. Biết mỗi bạn đều có khả năng được chọn. Tính xác suất của biến cố “Bạn được chọn là nam”.

- A. 1 B. $\frac{1}{5}$ C. $\frac{5}{6}$ D. $\frac{1}{6}$

Câu 10: Chọn ngẫu nhiên một số trong tập hợp $\{2; 3; 5; 6; 7; 8; 10\}$ những kết quả thuận lợi cho biến cố “số được chọn là số chẵn” là:

- A. 2; 3; 5; 10 B. 2; 6; 7; 8 C. 2; 6; 8; 10 D. 2; 3; 6; 8

Câu 11: Một hộp bút màu có nhiều màu: màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu hồng, màu cam. Hỏi nếu rút bất kỳ một cây bút màu thì có thể xảy ra mấy kết quả?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 12: Cho $\triangle MNP$ có $MN < MP < NP$. Trong các khẳng định sau, câu nào đúng?

- A. $\widehat{M} < \widehat{P} < \widehat{N}$. B. $\widehat{N} < \widehat{P} < \widehat{M}$. C. $\widehat{P} < \widehat{N} < \widehat{M}$. D. $\widehat{P} < \widehat{M} < \widehat{N}$.

Câu 13: Cho $\triangle MNP$ có $\widehat{M} = 70^\circ, \widehat{N} = 50^\circ$. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $MN > MP > NP$. B. $NP > MN > MP$. C. $MP > NP > MN$. D. $NP > MP > MN$.

Câu 14: Cho $\triangle ABC$. M là trung điểm của BC. G là trọng tâm và $AM = 12\text{cm}$. Độ dài đoạn thẳng AG bằng?

- A. 8cm B. 6cm C. 4cm D. 3cm.

Câu 15: Cho I là giao điểm của 3 đường phân giác trong của tam giác. Kết luận nào là đúng:

- A. I cách đều 3 cạnh của tam giác B. I cách đều 3 đỉnh của tam giác
C. I là trọng tâm của tam giác D. I cách đỉnh 1 khoảng bằng $\frac{2}{3}$ độ dài đường phân giác

Câu 16: Trực tâm của tam giác là giao điểm của

- A. ba đường phân giác B. ba đường trung tuyến. C. ba đường trung trực. D. ba đường cao.

Câu 17: Số mặt của hình hộp chữ nhật là

- A. 4. B. 6. C. 8. D. 10.

Câu 18: Hình lập phương là hình hộp chữ nhật có các mặt đều là

- A. hình chữ nhật. B. hình vuông. C. hình bình hành. D. hình thoi.

Câu 19: Hình hộp chữ nhật có ba kích thước lần lượt là a ; $2a$; $\frac{a}{2}$. Thể tích của hình hộp chữ nhật đó là

- A. a^2 . B. $4a^2$. C. $2a^2$. D. a^3 .

Câu 20. Một xe đông lạnh có thùng hàng là một hình hộp chữ nhật kích thước lòng thùng hàng là dài 3,8m, rộng 3m, cao 4cm. Thể tích của lòng thùng hàng là

- A. $45,6\text{m}^3$ B. $46,5\text{m}^3$ C. $54,6\text{m}^3$ D. $64,5\text{m}^3$

II. PHẦN TỰ LUẬN

Dạng 1: Tỷ lệ thức và đại lượng tỷ lệ.

Bài 1: Tìm x, y, z biết:

a) $\frac{x}{12} = \frac{y}{13} = \frac{z}{15}$ và $x + y + z = 160$ b) $\frac{x}{2} = \frac{y}{3} = \frac{z}{-4}$ và $x - y - z = 27$ c) $\frac{x}{3} = \frac{y}{4}$; $\frac{y}{5} = \frac{z}{6}$ và $x + z = 78$.

Bài 2: Một cửa hàng văn phòng phẩm bán 3 loại bút bi đỏ, xanh và đen tỷ lệ với các số 4; 6; 7. Tổng số bút bi mà cửa hàng nhập về bán là 340 chiếc. Tính số bút bi mỗi loại.

Bài 3: Cuối học kì I, tổng số học sinh khối 7 đạt loại giỏi và khá nhiều hơn số học sinh đạt trung bình là 45 em. Biết rằng số học sinh đạt loại giỏi, khá, trung bình tỷ lệ với 2; 5; 6. Tính số học sinh giỏi, khá, trung bình của khối 7.

Bài 4: Ba đội máy cày, cày ba cánh đồng cùng diện tích. Đội thứ nhất cày trong 5 ngày, đội thứ hai cày trong 4 ngày và đội thứ ba cày trong 6 ngày. Hỏi mỗi đội có bao nhiêu máy cày biết rằng ba đội có tất cả 37 máy (Năng suất các máy như nhau)

Bài 5: Ba nhóm thợ thực hiện xây các ngôi nhà giống nhau. Nhóm thứ nhất xây trong 40 ngày, nhóm thứ hai xây trong 60 ngày và nhóm thứ ba xây trong 50 ngày. Biết nhóm thứ ba có ít hơn nhóm thứ nhất là 3 người thợ, tính số thợ của mỗi nhóm (năng suất các người thợ như nhau)

Dạng 2: Biểu thức đại số và đa thức 1 biến

Bài 1: Cho hai đa thức: $P(x) = 2x^4 + 3x^3 + 3x^2 - x^4 - 4x + 2 - 2x^2 + 6x$ và

$$Q(x) = x^4 + 3x^2 + 5x - 1 - x^2 - 3x + 2 + x^3. \quad \text{Tính } P(x) + Q(x); P(x) - Q(x).$$

Bài 2: Cho hai đa thức $P(x) = 5x^3 - 3x + 7 + x^2$ và $Q(x) = -5x^3 + 2x - 3 + 2x - x^2 - 2$

a) Tìm đa thức $M(x) = P(x) + Q(x)$ và $N(x) = P(x) - Q(x)$ b) Tìm nghiệm của đa thức $M(x)$.

Bài 3: Cho hai đa thức

$$M(x) = -5x^4 + 3x^5 + x(x^2 + 5) + 14x^4 - 6x^5 - x^3 + x - 1$$

$$N(x) = x^4(x - 5) - 3x^3 + 3x + 2x^5 - 4x^4 + 3x^3 - 5$$

a) Thu gọn và sắp xếp hai đa thức trên theo lũy thừa giảm dần của biến

b) Tính $H(x) = M(x) + N(x)$; $G(x) = M(x) - N(x)$ e) Tìm nghiệm của đa thức $H(x)$

c) Tìm hệ số cao nhất và hệ số tự do của $H(x)$ và $G(x)$ d) Tính $H(-1)$; $H(1)$; $G(1)$; $G(0)$

Bài 4: Thực hiện phép tính

- a) $3x(x^2 - 5x + 7)$ b) $-5x^2(3x^2 + 2x^3 - x)$ c) $-4x(3x-4) + 7x(x-5)$
 d) $4x(x^2 - x + 1) - x(3x^2 - 2x - 5)$ e) $(x+4)(-x^2 + 6x + 5)$ g) $(3x-1)(3x+5) - 7(x^2 + 2)$

Bài 5: Tìm các giá trị của x, biết

- a) $4x(x-5) - 7x(x-4) + 3x^2 = 12$ b) $-3x(x+2) + 5(x-1) + 3x^2 = 4 - x$
 c) $x(2x-4) - (x-2)(2x+3) = 0$ d) $(x+2)(x-3) + x - 1 = 0$

Bài 6: Thực hiện các phép chia sau

- 1) $45x^5 : 9x$ 2) $-20x^4 : x$ 3) $15x^3 : (-5x^2)$ 4) $(-5x^4 + 15x^3 - 18x) : (-5x)$
 5) $(x^2 + 2x + 1) : (x + 1)$ 6) $(x^2 + 4x + 4) : (x + 2)$ 7) $(4x^2 + 4x + 1) : (2x + 1)$
 8) $(x^2 - 2x + 1) : (x - 1)$ 9) $(x^2 - 4x + 4) : (x - 2)$ 10) $(4x^2 - 4x + 1) : (2x - 1)$
 11) $(x^3 - 1) : (x - 1)$ 12) $(x^3 + 1) : (x + 1)$ 13) $x^3 - 8 : (x - 2)$ 14) $x^3 + 8 : (x + 2)$
 15) $(16x^2 - 9) : (4x + 3)$ 16) $(6x^2 - 11x - 10) : (3x + 2)$ 17) $(3x^2 + 7x + 9) : (x - 1)$

Bài 7: a) Tìm số a để $f(x) = (2x^3 - 3x^2 + x + a) : (x + 2)$.

b) Tìm a A chia hết cho B với: $A = x^3 - 9x^2 + 17x - 25 + a$ và $B = x^2 - 2x + 3$

Dạng 3: Biến cố và xác suất của biến cố

Bài 1: Tung một đồng xu ba lần. Trong các biến cố sau, biến cố nào là biến cố chắc chắn, biến cố không thể, biến cố ngẫu nhiên

- A: “Có 2 lần xuất hiện mặt S” B: “Số lần xuất hiện mặt S và số lần xuất hiện mặt N bằng nhau”
 C: “Cả ba lần xuất hiện mặt N” D: “Số lần xuất hiện mặt S và số lần xuất hiện mặt N không bằng nhau”

Bài 2: Gieo ngẫu nhiên một con xúc xắc cân đối một lần. Tính xác suất của mỗi biến cố sau:

- a) A: Mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là số lẻ b) B: Mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là ước của 4
 c) C: “Mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm chia hết cho 3”

Bài 3: Một hộp có 24 chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số 1, 2, 3, ..., 24 hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác nhau. Rút ngẫu nhiên một thẻ trong hộp. Tính xác suất của mỗi biến cố sau:

- a) Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số chia hết cho 5 b) Số xuất hiện trên thẻ có tổng các chữ số bằng 3
 c) “Số xuất hiện trên thẻ là số có hai chữ số”

Bài 4: Chọn ngẫu nhiên một số trong bốn số 11; 12; 13 và 14. Tính xác suất để:

- a) Chọn được số chia hết cho 5 b) Chọn được số có hai chữ số
 c) Chọn được số nguyên tố d) Chọn được số chia hết cho 6

Bài 5: Một hộp có 12 chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số 1, 2, 3, ..., 12; hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác nhau. Rút ngẫu nhiên một thẻ trong hộp. Xét biến cố “Số xuất hiện trên thẻ được rút ra 1 số là hợp số”. Tính xác suất của biến cố trên.

Dạng 4: Các bài toán hình học

Bài 1: Cho tam giác DEF cân tại D. Trên cạnh DE và DF lần lượt lấy hai điểm H và K sao cho DH = DK. Gọi giao điểm của EK và FH là O. Chứng minh rằng

- a) EK = FH b) $\triangle HOE = \triangle KOF$ c) DO vuông góc với EF

Bài 2: Cho tam giác nhọn ABC có $AB < AC$, đường cao AD. Trên đoạn DC lấy điểm E sao cho DB = DE

- a) Chứng minh tam giác ABE cân;
 b) Từ E kẻ EF vuông góc với AC (F thuộc AC). Từ C kẻ CK vuông góc với AE (K thuộc AE). Chứng minh rằng ba đường thẳng AD, EF và CK đồng quy tại một điểm.

Bài 3: Cho tam giác ABC vuông tại A ($AB < AC$), tia phân giác của góc $\widehat{ABC}$ cắt AC tại D. Kẻ DE vuông góc với BC tại E. Chứng minh:

- a) $\triangle ABD = \triangle EBD$. b) Gọi M là giao điểm của AB và DE. Chứng minh DM = DC. c) $AD + EC > DM$.

Bài 4: Cho tam giác DEF cân tại D. Gọi M, N lần lượt là trung điểm của DF và DE. Kẻ DH vuông góc với EF. Chứng minh: a) EM = FN và $\widehat{DEM} = \widehat{DFN}$

b) Gọi giao điểm của EM và FN là K. Chứng minh rằng $KE = KF$ c) Chứng minh EM, FN, DH đồng quy

Bài 5 : Cho ΔABC vuông tại B, AD là tia phân giác của góc BAC ($D \in BC$). Kẻ $DI \perp AC$ ($I \in AC$)

a) Chứng minh $\Delta ABD = \Delta AID$

b) So sánh DB và DC

c) Từ C kẻ đường thẳng vuông góc với AD, cắt AD tại K. Hai đường thẳng CK và AB cắt nhau tại E.

Chứng minh K là trung điểm của CE và ΔAEC cân

d) Chứng minh $BI \parallel EC$

e) Chứng minh 3 điểm E, D, I thẳng hàng

Bài 6: Người ta làm một chiếc hộp có dạng hình hộp chữ nhật bằng bìa với chiều dài 22cm, chiều rộng 16cm và chiều cao 18cm

a) Tính thể tích của chiếc hộp

b) Tính diện tích bìa dùng để làm chiếc hộp

Bài 7: Một căn phòng dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 12,6 m, chiều rộng 7,2 m, chiều cao 35m. Người ta muốn lăn sơn tường và trần nhà. Hỏi diện tích cần lăn sơn là bao nhiêu mét vuông, biết rằng tổng diện tích các cửa bằng $12m^2$.

Bài 8: Một chiếc bánh kem có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài là 25cm, chiều rộng là 20cm và chiều cao là 15cm. Người ta cắt đi một miếng bánh có dạng hình lập phương cạnh là 3cm. Tính thể tích phần còn lại của chiếc bánh kem

Dạng 5: Bài tập nâng cao

Bài 1. Chứng minh rằng các đa thức sau vô nghiệm: a) $x^2 + 1$ b) $x^{2024} + (x-1)^4 + 10$ c) $x^2 - 2x + 2$

Bài 2: a) Tìm x, biết $|x - 2| + |3 - 2x| = 2x + 1$ b) Tìm các giá trị nguyên của x và y biết $5y - 3x = 2xy - 11$

Bài 3: Cho đa thức $f(x) = x^8 - 101x^7 + 101x^6 - 101x^5 + \dots + 101x^2 - 101x + 1$. Tính $f(100)$

Môn: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Câu 1: Động vật lấy nước và chất dinh dưỡng từ bên ngoài thông qua quá trình nào?

Câu 2: Tiêu hóa gồm mấy giai đoạn? Trình bày diễn biến của từng giai đoạn đó.

Câu 3: Những chất dinh dưỡng nào cần được biến đổi thành dạng đơn giản hơn để được hấp thu vào cơ thể?.

Câu 4: Động vật cần nước cho những quá trình sống nào? Nhu cầu sử dụng nước của các sinh vật phụ thuộc vào những yếu tố nào?

Câu 5:

a) Quá trình vận chuyển các chất ở động vật được thực hiện bởi cơ quan/hệ cơ quan nào?

b) Mô tả cấu tạo của hệ cơ quan đó ở người.

Câu 6: Thế nào là cảm ứng? Thế nào là tập tính? Cảm ứng, tập tính tồn tại ở đối tượng sinh vật nào? Lấy ví dụ.

Câu 7: Vai trò của cảm ứng là gì.

Câu 8: Vai trò của tập tính là gì. Tập tính được phân thành những loại nào?

Câu 9: So sánh cảm ứng ở thực vật và cảm ứng ở động vật.

Câu 10: So sánh tập tính học được và tập tính bẩm sinh.

Câu 11: Thế nào là sinh trưởng? Lấy ví dụ minh họa.

Câu 12: Thế nào là phát triển? Lấy ví dụ minh họa.

Câu 13: Mô phân sinh là gì? Chúng tồn tại ở đâu trên cơ thể thực vật? Vai trò của mô phân sinh là gì?

Câu 14: Loại mô phân sinh nào đóng vai trò chủ chốt trong các trường hợp sau:

a) Bấm ngọn cây để mọc nhiều nhánh phụ.

b) Cây tre bị chặt đứt ngọn nhưng vẫn cao lên.

c) Rễ cây đâm xuyên vào lòng đất.

Môn: NGỮ VĂN

I. Phần văn bản

1. Truyện ngụ ngôn:

- Truyện ngụ ngôn là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.
- Một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn:
 - + Truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi.
 - + Nhân vật ngụ ngôn có thể là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hoá (biết nói năng, có tính cách, tâm lí như con người).
 - + Truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.

2. Truyện khoa học viễn tưởng

- Truyện khoa học viễn tưởng là loại tác phẩm viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của khoa học dự đoán, thường có tính chất kì lạ.
- Một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng:
 - + Đề tài của truyện khoa học viễn tưởng thường là những cuộc thám hiểm vũ trụ, du hành xuyên thời gian, những cuộc kết nối với sự sống ngoài Trái Đất...
 - + Không gian của truyện khoa học viễn tưởng có thể là không gian Trái Đất hoặc ngoài Trái Đất... Thời gian diễn ra các câu chuyện viễn tưởng thường là thời gian trong tương lai xa, xét từ mốc ra đời của tác phẩm.
 - + Cốt truyện trong truyện khoa học viễn tưởng gồm một chuỗi tình huống, sự kiện hoàn toàn tưởng tượng, dựa trên những giả thuyết, dự báo và quan niệm khoa học.
 - + Nhân vật chính của truyện khoa học viễn tưởng thường có sức mạnh thể chất phi thường, có cấu tạo hoặc khả năng kì lạ, có trí thông minh kiệt xuất để tạo ra những phát minh.

3. Văn bản nghị luận

- Văn nghị luận là văn bản thể hiện ý kiến của người viết.
- Sức thuyết phục của ý kiến phụ thuộc vào việc dùng lí lẽ và bằng chứng. Mỗi ý kiến thường được làm rõ bằng một số lí lẽ, mỗi lí lẽ được củng cố bởi một số bằng chứng. Ý kiến cần mới mẻ, lí lẽ cần sắc bén, bằng chứng cần xác thực, tiêu biểu, và tất cả những yếu tố đó phải có mối liên hệ với nhau, tạo thành một hệ thống chặt chẽ.

4. Văn bản thông tin: Cách triển khai ý tưởng và thông tin cho một văn bản thông tin:

- + Triển khai theo trật tự thời gian.
- + Theo quan hệ nhân quả.
- + Đưa ra liên tiếp nhiều góc nhìn khác nhau về sự vật, hiện tượng.
- + Lần lượt trình bày về từng bộ phận của đối tượng muốn nói đến trước khi đưa ra một thông tin hay quan điểm nhìn nhận thông tin mang tính bao trùm

II. Phần tiếng Việt

1. Thành ngữ: giải thích nghĩa và tác dụng.

- Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.
- Tác dụng: Việc dùng thành ngữ giúp câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng.

Vd: Lại có khi tôi cảm thấy mình dừng mãi đến nỗi dù có phải **chuyên núi dời sông** tôi cũng sẵn sàng.

-> Thành ngữ **Chuyên núi dời sông**: là làm những việc lớn lao, phi thường.

2. Nói quá: nhận biết đặc điểm và tác dụng

- Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại tính chất, mức độ, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.
- Đặc điểm: phóng đại đến mức phi lí tính chất, mức độ, quy mô của đối tượng
- Tác dụng: để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.

Vd: **Dời non lấp biển** (thành ngữ). -> Nói quá nhằm đề cao ý chí hoặc thể hiện sự khâm phục trước kì tích của con người.

3. Mạch lạc và liên kết của văn bản: yêu cầu nhận biết

- Mạch lạc: là sự liên mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản;
- Liên kết: là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản, thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như từ ngữ nối, từ ngữ lặp lại, từ ngữ thay thế (từ đồng nghĩa, đại từ)

4. Dấu chấm lửng: nhận biết được công dụng

- Dấu chấm lửng thường được dùng để tỏ ý nhiều sự vật, hiện tượng chưa được liệt kê hết;
Vd: *Ánh sáng lọc xanh qua những tán lá cây: cây mận cây dứa, ...*
- Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng;
Vd: *Chị ơi, em... em.* – Nó bỏ lửng không nói tiếp.
- Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu của câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm.
Vd: *Cuốn tiểu thuyết được viết trên... bư thiếp.*

5. Biện pháp liên kết: yêu cầu nhận biết

- Phép nối (từ ngữ nối): và, nhưng, ...
- Phép thế (đại từ, từ ngữ đồng nghĩa)
- Phép lặp (lặp lại từ ngữ đã có trong câu trước, đoạn trước),...
- Vd: “Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy. Bà vẫn hay nói với ông rằng để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác.”
- Đoạn văn trên sử dụng các phép liên kết:
+ Phép lặp từ: “ông”
+ Phép thế: “mẹ ông” = “bà”

6. Thuật ngữ: nhận biết đặc điểm và chức năng của thuật ngữ.

- Thuật ngữ là từ ngữ dùng để nêu các khái niệm của một số lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học.
- Nhờ sử dụng chính xác và hợp lí các thuật ngữ, văn bản có được tính chuyên môn cao và cách biểu đạt hàm súc, tạo thuận lợi cho những cuộc trao đổi, thảo luận bổ ích xung quanh nội dung của văn bản.
Vd: *Truyện ngụ ngôn* thường ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi.

7. Cách ghi cước chú:

- Đánh dấu từ ngữ, nội dung cần cước chú bằng chữ số, chữ cái hay dấu hoa thị.
- Ở chân trang hoặc cuối văn bản lần lượt chú thích về từng từ ngữ hay nội dung đã được đánh dấu để tạo thành một cước chú hoàn chỉnh gồm: **kí hiệu đánh dấu đối tượng, tên đối tượng, dấu hai chấm; nội dung giải thích.**

Vd: Tại sao chúng ta lại đồng thời có thời tiết ở cả hai thái cực⁽¹⁾ - ẩm ướt hơn và khô hạn hơn – cùng một lúc?

⁽¹⁾thái cực: điểm đầu mút của một phía trong sự đối lập với điểm đầu mút của phía kia.

8. Thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo :

- Đặt trong dấu ngoặc kép đoạn trích dẫn nguyên văn một ý kiến, nhận định nào đó.
- Nêu thông tin về họ, tên tác giả của ý kiến, nhận định được trích dẫn (có thể đặt trước hoặc sau đoạn trích dẫn)
- Ghi đầy đủ tên tài liệu được trích dẫn cùng nơi xuất bản, thời gian xuất bản vào vị trí thích hợp.
Vd: Giôn Hô-đơ-rôn nói: “Thuật ngữ quen thuộc “sự nóng lên của Trái đất” là một sự nhầm lẫn...”

9. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó

- Khi gặp một từ có các yếu tố Hán Việt thông dụng, trước hết, có thể tách từ đó ra thành các thành tố riêng biệt để xem xét.

Vd: *thuyết minh* -> *thuyết* và *minh*

- Tiếp đó tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau.

Vd: + Nhóm có yếu tố *thuyết*: thuyết phục, thuyết giảng, lí thuyết, diễn thuyết, ...

+ Nhóm có yếu tố *minh*: minh bạch, minh mẫn, tường minh, thanh minh, ...

- Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố đó, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.

Vd: + *thuyết* -> có liên quan tới hành động nói; *minh* -> có liên quan tới sự rõ ràng, sáng sủa; *thuyết minh* -> nói rõ ràng ra.

III. Phần Tạo lập văn bản

Dạng đề 1: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (Trình bày ý kiến phản đối).

Chủ đề 1: Dàn ý nghị luận về một vấn đề đời sống

1. Mở bài

Nêu vấn đề nghị luận và bày tỏ ý kiến phản đối với cách nhìn nhận vấn đề.

2. Thân bài

- Ý 1: Trình bày thực chất của ý kiến, quan điểm đã nêu để bàn luận.
- Ý 2: Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng).
- Ý 3: Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng).

3. Kết bài

Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.

Đề: Bạo lực học đường - vấn đề cần lên án

Đề: nhiều người lại lười biếng, cho rằng việc học tập là không cần thiết

Đề Có người cho rằng ô nhiễm môi trường không ảnh hưởng đến cuộc sống của con người, vì vậy không cần thiết phải bảo vệ môi trường

Đề Ông cha ta có câu “Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”

Đề Có người cho rằng, con người và thiên nhiên không có bất cứ mối quan hệ nào

Đề Có người nói rằng: “ Tôi hút thuốc lá, tôi bị bệnh, hãy mặc kệ tôi!”

Dạng đề 2: Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

Dàn ý thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ

1. Mở bài

Giới thiệu hoạt động hay trò chơi sẽ thuyết minh.

2. Thân bài

- Giới thiệu khái quát về trò chơi hay hoạt động: không gian, thời gian...
- Giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi theo một trật tự nhất định:
 - Đối tượng tham gia hoạt động/trò chơi gồm bao nhiêu người?
 - Hoạt động/trò chơi cần phải tuân thủ những quy tắc, luật lệ gì?
 - Giá trị, ý nghĩa của hoạt động/trò chơi?

3. Kết bài

Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi được thuyết minh.

IV: MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ 1:

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm) Đọc văn bản sau:

Mỗi lần hái được rau khúc về, bà tôi lấy nước mưa trong bể rửa sạch rau khúc và để cho thật ráo nước mới cho vào cối giã. Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò. Sau đó bà tôi mới trộn rau khúc đã giã với bột nếp và nhào cho thật nhuyễn. Mỗi khi bà tôi nhào bột bánh xong, tôi cũng cúi rạp xuống ghé sát mũi vào cối bột bánh bà hít thật sâu. Cho dù vẫn chỉ là bột sống nhưng hương vị bánh khúc đã dâng lên làm tôi ứa đầy nước miếng. Những lúc như thế, tôi lại giục bà đồ bánh khúc. Nhưng bà tôi không bao giờ đồ bánh ngay. Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh. Ngày xưa, chả mấy khi có thịt làm nhân bánh như bây giờ. Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được thổi chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân. Thi thoảng mua được mấy lạng mỡ phần thì bà tôi mới thái một ít để làm nhân bánh. Những miếng mỡ thái hạt lựu béo ngậy đến mê người. Khi ăn một chiếc bánh khúc như thế, tôi cứ nhai mãi mà không muốn nuốt. Cái béo của mỡ lợn, cái bùi của đậu và vị ngọt ngào của bột nếp và hương rau khúc làm nên một món ăn dân dã ngon lạ thường. Khi đồ bánh, bà tôi phủ một lớp rau khúc kín mặt chỗ bánh để giữ hơi và làm cho chỗ bánh đậm thêm hương rau khúc.

(Trích *Hương khúc - Tôi khóc những cánh đồng rau khúc*, Nguyễn Quang Thiều, in trong *Mùi của kí ức*, NXB Trẻ, 2017)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn văn bản sử dụng dụng phương thức biểu đạt nào?

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| A. Tự sự và thuyết minh. | B. Tự sự và nghị luận. |
| C. Tự sự và miêu tả. | D. Tự sự và biểu cảm. |

Câu 2. Những nhân vật nào xuất hiện trong đoạn trích?

- | | |
|---------------|---------------|
| A. Người mẹ. | B. Bà và mẹ. |
| C. Tôi và bà. | D. Tôi và mẹ. |

Câu 3. Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất .
B. Ngôi thứ hai.
C. Ngôi thứ ba
D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3.

Câu 4. Bánh khúc của bà được làm từ những nguyên liệu nào?

- A. Rau khúc và bột nếp.
B. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh.
C. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn.
D. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn và hành lá.

Câu 5. Tại sao “Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh.”?

- A. Bà dành thời gian chuẩn bị mỡ.
B. Bà ủ bột bánh cho nở để chất lượng bánh được ngon hơn.
C. Bà tranh thủ dạy cháu cách làm bánh.
D. Bà dành thời gian thổi đậu xanh.

Câu 6. Từ “thối” trong câu văn “Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được thối chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân.” đồng nghĩa với từ nào sau đây?

- A. Nấu.
B. Rán.
C. Nướng
D. Xào.

Câu 7. Dòng nào nói đúng tác dụng của phép so sánh trong câu văn “Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò.”?

- A. Diễn tả thao tác chế biến rau khúc của bà rất kĩ lưỡng, kì công.
B. Diễn tả độ khó của việc chế biến rau khúc.
C. Diễn tả các công đoạn chế biến rau khúc của bà.
D. Diễn tả các công đoạn thưởng thức món bánh khúc.

Câu 8. Vì sao món bánh khúc được coi là một món ăn dân dã?

- A. Nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.
B. Cách chế biến cầu kì, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.
C. Cách thưởng thức đơn giản mà vẫn cảm nhận được hương vị của bánh.
D. Cách chế biến thủ công, nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.

Câu 9. Trong cảm nhận của người cháu, món bánh khúc có gì đặc biệt?

Câu 10. Tình cảm của người cháu dành cho bà?

Phần II. Viết (4 điểm)

Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng nghiện mạng xã hội của giới trẻ hiện nay?

ĐỀ 2:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

BỆNH LÈ MÈ

Trong đời sống hiện nay có một hiện tượng khá phổ biến, mọi người đều thấy, nhưng thường bỏ qua. Đó là bệnh lè mề mà coi thường giờ giấc là một biểu hiện. Cuộc họp ấn định vào lúc 8 giờ sáng mà 9 giờ mới có người đến. Giấy mời hội thảo ghi 14 giờ mà mãi đến 15 giờ mọi người mới có mặt. Hiện tượng này xuất hiện trong nhiều cơ quan, đoàn thể, trở thành một bệnh khó chữa.

Những người lè mề ấy, khi ra sân bay, lên tàu hỏa, đi nhà hát ...chắc là không dám đến muộn, bởi đến muộn là có hại ngay đến quyền lợi thiết thân của họ. Nhưng đi họp, hội thảo là việc chung, có đến muộn cũng không thiệt gì. Thế là hết chậm lần này đến chậm lần khác, và bệnh lè mề không sửa được.

Bệnh lè mề suy cho cùng là do một số người thiếu tự trọng và chưa biết tôn trọng người khác tạo ra. Họ chỉ quý thời gian của mình mà không tôn trọng thời gian của người khác. Họ không coi mình là người có trách nhiệm đối với công việc chung của mọi người.

Bệnh lè mề gây hại cho tập thể. Đi họp muộn, nhiều vấn đề không được bàn bạc thấu đáo, hoặc khi cần lại phải kéo dài thời gian. Bệnh lè mề gây hại cho những người biết tôn trọng giờ giấc. Ai đến đúng giờ lại cứ phải đợi người đến muộn. Bệnh lè mề tạo ra tập quán không tốt: Muốn người dự đến đúng giờ như mong muốn, giấy mời thường phải ghi giờ khai mạc sớm hơn 30 phút hay một giờ!

Cuộc sống văn minh hiện đại đòi hỏi mọi người phải tôn trọng lẫn nhau và hợp tác với nhau. Những cuộc họp không thật cần thiết thì không nên tổ chức. Nhưng những cuộc hội họp cần thiết thì mọi người cần tự giác tham dự đúng giờ. Làm việc đúng giờ là tác phong của người có văn hóa.

(Theo Phương Thảo - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007, tr 20)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: Văn bản “Bệnh lề mề” thuộc loại văn bản nào?

- A. Văn bản biểu cảm
- B. Văn bản nghị luận
- C. Văn bản tự sự
- D. Văn bản thuyết minh

Câu 2: Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

- A. Việc ăn mặc không đúng tác phong.
- B. Việc nói năng thiếu văn hóa
- C. Việc coi thường giờ giấc.
- D. Việc vứt rác bừa bãi.

Câu 3: Nhận định nào không đúng về văn bản “Bệnh lề mề”?

- A. Bài viết ngắn gọn súc tích, thể hiện rõ tình cảm của người viết.
- B. Người viết thể hiện rõ ý kiến đối với vấn đề cần bàn bạc.
- C. Trình bày những ý kiến, lí lẽ rõ ràng, cụ thể.
- D. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

Câu 4: Từ ngữ in đậm trong đoạn văn dưới đây được sử dụng theo hình thức liên kết nào?

*“Những cuộc họp không thật cần thiết thì không nên tổ chức. **Nhưng** những cuộc hội họp cần thiết thì mọi người cần tự giác tham dự đúng giờ. ”*

- A. Phép thế
- B. Phép lặp
- C. Phép liên tưởng
- D. Phép nối

Câu 5: Ý nào không đúng khi nói về “tác hại của bệnh lề mề” từ văn bản trên?

- A. Bệnh lề mề gây hại cho tập thể.
- B. Đi họp muộn, nhiều vấn đề không bàn bạc thấu đáo.
- C. Bệnh lề mề suy cho cùng là do một số người thiếu tự trọng.
- D. Bệnh lề mề tạo ra tập quán không tốt.

Câu 6: Dấu chấm lửng trong câu sau dùng để làm gì?

Những người lề mề ấy, khi ra sân bay, lên tàu hỏa, đi nhà hát ...chắc là không dám đến muộn, bởi đến muộn là có hại ngay đến quyền lợi thiết thân của họ.

- A. Tô ý còn nhiều hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.
- B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng
- C. Làm giãn nhịp điệu câu văn.
- D. Chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

Câu 7: Văn bản “Bệnh lề mề” bàn về những khía cạnh nào của vấn đề?

- A. Biểu hiện, nguyên nhân, mặt lợi, giải pháp
- B. Biểu hiện, nguyên nhân, mặt hại, giải pháp
- C. Khái niệm, nguyên nhân, mặt lợi, giải pháp
- D. Khái niệm, nguyên nhân, mặt hại, giải pháp

Câu 8: Văn bản “Bệnh lề mề” sử dụng phép lập luận nào?

- A. Phép lập luận giải thích
- B. Trình bày khái niệm và nêu ví dụ
- C. Phép liệt kê và đưa số liệu
- D. Phép lập luận phân tích và chứng minh

Câu 9: Em có đồng ý với ý kiến sau đây không? Vì sao?

Làm việc đúng giờ là tác phong của người có văn hóa.

Câu 10. Qua văn bản trên em rút ra bài học gì về việc sử dụng thời gian?

H. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

Môn: LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

I. Tự luận

Câu 1: *Nêu ý nghĩa cuộc kháng chiến chống Tống của Lý Thường Kiệt?*

Câu 2: (1,5 điểm)

Em hãy nhận xét kế hoạch đánh giặc chống quân Mông Nguyên của nước nhà Trần?
Em rút ra bài học gì cho bản thân từ cuộc kháng chiến đó?

Câu 3: Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân Mông Nguyên?

II. Trắc nghiệm

Câu 1: Nhà Tống đã làm gì giải quyết những khó khăn trong nước?

- A. Đánh hai nước Liêu - Hạ.
- B. Đánh Đại Việt để khống chế Liêu - Hạ.
- C. Đánh Cham-pa để mở rộng lãnh thổ.
- D. Tiến hành cải cách, củng cố đất nước.

Câu 2: Đâu không là lý do khiến Lý Thường Kiệt chọn sông Như Nguyệt làm nơi xây dựng phòng tuyến đánh giặc?

- A. Là con sông chặn ngang tất cả các ngã đường bộ từ Quảng Tây vào Thăng Long
- B. Lực lượng quân Tống sang xâm lược Việt Nam chủ yếu là bộ binh
- C. Dựa trên truyền thống đánh giặc trên sông của các triều đại trước
- D. Là một chiến hào tự nhiên khó để vượt qua

Câu 3: Để chuẩn bị chiến tranh lâu dài với quân Tống, sau khi mở cuộc tấn công vào đất Tống Lý Thường Kiệt đã làm gì?

- A. Tạm thời hòa hoãn với quân Tống để củng cố lực lượng trong nước.
- B. Cho xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt.
- C. Tấn công, đập tan cuộc chiến tranh xâm lược của Cham-pa ở phía Nam.
- D. Đón địch, tiêu diệt lực lượng của địch ngay khi chúng vừa đặt chân đến.

Câu 4: Ý nào không phản ánh đúng việc làm của nhà Lý trước âm mưu xâm lược của quân Tống?

- A. Cử Lý Thường Kiệt làm tổng chỉ huy cuộc kháng chiến
- B. Triệu tập hội nghị Bình Than
- C. Đập tan phối hợp tấn công của quân Tống và Chăm-pa.
- D. Chủ động tiến hành các biện pháp đối phó

Câu 5: Tại sao Lý Thường Kiệt là chủ động giảng hòa?

- A. Để đảm bảo mối quan hệ hòa hiếu giữa hai nước là truyền thống nhân đạo của dân tộc
- B. Lý thường Kiệt sợ mất lòng vua Tống
- C. Để bảo toàn lực lượng của nhân dân
- D. Lý Thường Kiệt muốn kết thúc chiến tranh nhanh chóng

Câu 6: Cuộc kháng chiến chống Tống (1075 - 1077) giành thắng lợi không xuất phát từ nguyên nhân nào sau?

- A. Nhà Lý đã đưa ra được đường lối đánh giặc đúng đắn, sáng tạo.
- B. Nhân dân Đại Việt có tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng với kẻ thù.
- C. Nhà Tống đang lâm vào tình trạng khủng hoảng, tiềm lực suy giảm.
- D. Sự đoàn kết giữa Đại Việt và Champa trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung.

Câu 7: “Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc”? Đó là câu nói của ai?

- A. Trần Quốc Tuấn
- B. Trần Thủ Độ
- C. Lý Thường Kiệt



D. Lý Công Uẩn

Câu 8: Để khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ, làm suy yếu ý chí của quân Tống Lý Thường Kiệt đã làm gì?

- A. Tập chung tiêu diệt nhanh quân Tống.
- B. Ban thưởng cho quân lính.
- C. Sáng tác bài thơ thần “Nam quốc sơn hà”.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 9: Tướng giặc chỉ huy cánh quân bộ xâm lược Đại Việt là ai?

- A. Quách Quỳ
- B. Ô Mã Nhi
- C. Toa Đô
- D. Hòa Mâu

Câu 10: Mục đích chính của Lý Thường Kiệt trong cuộc tấn công sang đất Tống cuối năm 1075 là:

- A. đánh vào cơ quan đầu não của quân Tống
- B. đánh vào nơi tập trung lương thực và khí giới để chuẩn bị đánh Đại Việt.
- C. đánh vào khu vực đông dân để tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch
- D. đòi lại phần đất đã mất do bị nhà Tống chiếm

Câu 11: Hin-đu giáo là tôn giáo có vị trí quan trọng nhất ở vương quốc nào ?

- A. Cham-pa
- B. Đại Việt
- C. Vạn Xuân
- D. Lào

Câu 12: Thầy giáo nổi tiếng nhất dưới thời Trần là ai?

- A. Nguyễn Bình Khiêm.
- B. Chu Văn An.
- C. Nguyễn Đình Chiểu.
- D. Lê Quý Đôn.

Câu 13: Nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là g

- A. Chính sách cai trị tàn độc của quân Minh đối với nhân dân Đại Việt.
- B. Quân Minh ép Lê Lợi ra làm quan.
- C. Do tác động của cuộc khởi nghĩa Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng.
- D. Vương triều Hồ đã thất bại trong cuộc kháng chiến chống Minh.

Câu 14: Nhà Hồ được thành lập năm nào?

- A. Năm 1010.
- B. Năm 1225.
- C. Năm 1400.
- D. Năm 1428

Câu 15: Chiến thắng nào kết thúc cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống?

- A. Ngọc Hồi – Đống Đa.
- B. Bạch Đằng.
- C. Đông Bộ Đầu.
- D. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt .

Câu 16: Nhân vật nào trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên năm 1285 khi bị giặc bắt , giặc dụ dỗ đã nói “ Ta thà làm ma nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc ” ?

- A. Trần Thủ Độ..
- B. Trần Bình Trọng.
- C. Trần Quốc Tuấn.
- D. Trần Quốc Toản

Câu 17: Nhà Lê sơ đã ban hành bộ luật nào ?

- A. Bộ Quốc Triều Hình luật .
- B. Bộ luật Hình Thư.
- C. Bộ Quốc Triều Hình luật (bộ luật Hồng Đức) .
- D. Bộ luật Gia Long

Câu 18: Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn chống quân xâm lược Minh do ai lãnh đạo ?

- A. Nguyễn Trãi .
- B. Lê lai
- D. Nguyễn Chích .
- C. Lê Lợi .

Câu 19. Sau khi Ngô Xương Văn chết, tình hình đất nước như thế nào ?

- A. Ổn định
- B. Không ổn định
- C. Loạn 12 sứ quân
- D. Dương Tam Kha cướp ngôi

Câu 20. Loạn 12 sứ quân” gây ra nguy cơ lớn nhất nào cho đất nước?

- A. Kinh tế suy sụp
- B. Ngoại xâm đe dọa
- C. Nhân dân đói khổ
- D. Đất nước bất ổn

Môn: TIẾNG ANH

I. Pronunciation

1.Distinguish between /ð/ and /θ/:

2.Stress in words that have two or three syllables

III. Grammar

1.Modal verbs: must, mustn't, should, shouldn't

2.Used to: school activities in the past

3.Linking words: although, despite, in spite of arrangements

4.Present continuous: talk about intentions, plans,

5.Be going to

6.“One” vs “ones”

7.Adjectives ending with -ed and -ing

8.However and Nevertheless

9.Adjectives ending with -ed and -ing:

10.Future simple: will / will not + question form

11.Giving opinions: I think + clause / I hope (that) + clause / We should, I should + clause.

12. Passive voice

13. Talking about similarities and differences: as...as and different from.

14.Others: can / will be able to / encourage sb to do sth.

15.Conjunctions: while, when, before, after

TEST 1

Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others.

- | | | | |
|-------------------------------|-------------------------------|-----------------------|----------------------------|
| 1. A. <u>cele</u> bration | B. <u>cu</u> stom | C. <u>c</u> ulture | D. <u>ca</u> rnival |
| 2. A. <u>pa</u> ssenger | B. <u>pa</u> rade | C. <u>a</u> ccident | D. <u>tr</u> affi |
| 3. A. <u>ve</u> hicle | B. <u>ne</u> wsa <u>ge</u> nt | C. <u>m</u> oney | D. <u>e</u> njoy |
| 4. A. <u>sp</u> end | B. <u>le</u> nd | C. <u>he</u> avy | D. <u>cl</u> othe <u>s</u> |
| 5. A. <u>fi</u> nger-painting | B. <u>fi</u> eld-trip | C. <u>mi</u> croscope | D. <u>li</u> terature |

Choose A, B, C or D to complete the sentences.

6. My grandmother is going to _____ tomorrow. That's her favourite dish.
A. make B. do C. plan D. go
7. I'm saving my lucky money. I put it in a _____.
A. pig bank B. piggy bank C. pig money D. piggy money
8. Minh will take part in the competition _____ he finishes his projects.
A. During B. before C. after D. by
9. Mia is going to join our school's _____. She loves taking pictures very much.
A. maths club B. football club C. physics club D. photography club
10. Passengers must follow _____ when they are on the plane.
A. safe standards B. safety C. safety standards D. safe plans
11. Mia is going to join our school's _____. She loves taking pictures very much.
A. maths club B. football club C. physics club D. photography club
12. Passengers must follow _____ when they are on the plane.
A. safe standards B. safety C. safety standards D. safe plans

Choose A, B, C or D to complete the sentences.

13. _____ the shop is small, it is always crowded with tourists.
A. Despite B. In spite of C. Although D. However
14. I am hungry. I _____ order a pizza tonight.

- A. going to B. am going to C. going D. go to
15. Mike is tired. _____, he is trying to finish his assignments.
A. Although B. Because C. However D. While
16. Hoi An Night market is _____ Dong Xuan market.
A. different as B. different than C. different D. different from
17. You _____ late for class. Everybody is waiting!
A. must not be B. will not be C. not being D. are not being

Read the following article and choose the best option A, B, C or D for each question.

Driving electric cars has several advantages and disadvantages. Electric cars cause fewer emissions. They also provide personal space for drivers to relax when they feel exhausted on the road. Some think electric cars do not have any disadvantages. But the truth is different. Firstly, the cost is not as reasonable as traditional cars. Drivers need to spend a lot of money on electricity, so the car can work. Secondly, on occasions like field trips, drivers cannot travel far distances because batteries of electric cars only last for 100-160 kilometers. There are also no or few electricity stations for drivers when car batteries die. This is not as convenient as traditional cars. Traditional car drivers can easily stop and buy gas from gas stations. Thirdly, it can be time-consuming to generate electricity for cars each time drivers go out. It takes between 6 and 8 hours for the car to finish.

18. Electric cars cause _____.
A. no damage to the environment B. more damage to the environment
C. less damage to the environment D. the most damage to the environment
19. Costs for electric cars are _____.
A. as low as traditional cars B. as high as traditional cars
C. less reasonable D. too unreasonable
20. Electric cars are not a good choice for long distance journeys because _____.
A. electric car batteries are expensive C. electric car batteries can only travel over 100 kilometers.
B. there are no electricity stations for drivers D. electric car batteries cannot travel over 160 kilometers.
21. It can take _____ to generate new electricity for a car.
A. 7 hours B. 9 hours C. 5 hours D. 2 hours
22. This article mainly writes about _____.
A. the advantages of electric cars D. the comparison between electric cars and traditional cars
B. the reasons why drivers should buy electric cars C. the advantages and disadvantages of electric cars

IV. LISTENING

Listen to the conversation and decide which statement is True (T), False (F), Not Given (NG).

23. Princeton Secondary School now has 40 students in each class.
24. Foreign languages and science are the main subjects at Princeton.
25. Field trips in biology classes last for 2 days.
26. 8th and 9th grade students have 9 lessons per day at Princeton.
27. Ann thinks that there are too many lessons at Princeton.

V. WRITING

A. Rearrange the given words to make complete sentences.

28. Anne / equation / excellently / mathematics / during / solve / class. / her / many
→ _____
29. You / go / anywhere / finish / until / cannot / you / doing / homework. / the
→ _____
30. This / place / traditional / carnival / takes / in / Da Lat.
→ _____
31. Tourists / dress / traditional / can / costumes / in / up / and / fireworks. / enjoy
→ _____
32. There / accident / a / when / was / people / parade. / the / started
→ _____
33. I / having / party / am / 9.00 p.m. / tomorrow. / a / at
→ _____

34. Let's / bookshop / in / of / front / the / meet / 12:30. / at

→

B. Complete the second sentence in a way that it is similar in meaning with the first one. Use the provided words in brackets.

35. Traditional cars can travel long distances. Electric cars cannot. (IN CONTRAST)

→

36. Electric cars are safe. But they cost a lot of electricity. (HOWEVER)

→

37. Buses are good for the environment. Electric cars also cause few emissions. (SIMILARLY)

→

TEST 2

Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others.

- | | | | |
|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|---------------------|
| 1. A. ano <u>th</u> er | B. any <u>th</u> ing | C. healt <u>h</u> y | D. <u>th</u> ought |
| 2. A. teach <u>er</u> | B. <u>ch</u> emistry | C. <u>Ch</u> inese | D. <u>ch</u> ange |
| 3. A. exper <u>im</u> ent | B. <u>te</u> chnology | C. <u>w</u> eb <u>s</u> ite | D. <u>t</u> est |
| 4. A. head <u>ph</u> ones | B. <u>l</u> end | C. <u>h</u> eavy | D. but <u>ch</u> er |
| 5. A. <u>i</u> n <u>vi</u> tation | B. <u>s</u> ur <u>p</u> rise | C. <u>f</u> ield- <u>t</u> rip | D. flor <u>i</u> st |

6. Choose A, B, C or D to complete the sentences

7. I'm going to _____ my homework later. I'm too tired now.
A. do B. make C. plan D. go
8. I'm saving my _____. I put it in a piggy bank.
A. Tet money B. lunar money C. lucky money D. piggy money
9. _____ she was in Hoi An, she was fascinated by the local culture.
A. During B. When C. After D. By
10. Nathan is going to join our school's _____. He is crazy for doing experiments.
A. IT club B. chemistry club C. technology club D. chemistry club
11. Everyone must follow _____ when they are on the ship.
A. safety precautions B. safety C. safe precautions D. safe plans

C. Choose A, B, C or D to complete the sentences.

12. _____ the florist's special offer, only a few people buy flowers there.
A. Despite of B. In spite of C. Although D. However
13. I am exhausted by the trip. _____, I have to finish reading this biology book.
A. Nevertheless B. Despite C. While D. During
14. My sister _____ buy a new pair of jeans for her picnic.
A. go to B. not going to C. is going to D. is going
15. Driving a flying car is not _____ driving a plane.
A. difficult as B. difficult than C. as difficult as D. difficult from
16. You _____ the maths club. It will help you study algebra.
A. should not join B. should join C. not join D. will not join

III. READING

Read the following article and choose the best option A, B, C or D for each question.

Traveling by bus has both advantages and disadvantages. The first benefit of buses is the cost. People can save a lot of money when they travel by bus because it is a type of public transportation. People only need to spend about 7,000 to 10,000 Vietnam Dong for each route. For example, in Hanoi, it only costs 7,000 Vietnam Dong to travel around by bus. Second, buses are more friendly to the environment because they burn little gas and cause fewer emissions to the environment. However, this mode of transport also has many disadvantages. First, it is not as convenient as private transportation. For example, there are usually a lot of passengers on a single bus during rush hours. Passengers cannot enjoy their personal space when they are on the bus. Second, buses sometimes avoid locations with special geographical characteristics. Finally, services on buses are not quite comfortable for travelers. It may get exhausting because of crowdedness or noises of passengers and traffic vehicles.

17. In Hanoi, a passenger needs to spend _____ to travel by bus each time
A. about 7,000 to 10,000 Vietnam Dong B. more than 10,000 Vietnam Dong

C. more than 7,000 Vietnam Dong D. 3,000 Vietnam Dong

18. When we compare buses with other vehicles, buses ____.

A. cause the same emissions

B. burn more gas

C. cause less damage to the environment

D. cause no emissions

19. During rush hours, ____.

A. traffic can be very crowded

B. bus passengers cannot enjoy their private space

C. buses get crowded because passengers love traveling by buses.

D. buses are not as convenient as private transport.

20. All of those are the reasons why services on buses are uncomfortable, except for ____.

A. loud passengers B. the crowdedness on a bus C. noises from other vehicles D. the crowded traffic

21. This article mainly writes about ____.

A. the advantages of buses B. the reasons why people should travel by bus more

C. the advantages and disadvantages of buses D. the comparison between buses and other personal vehicles

IV. LISTENING

Listen to the conversation and decide which one is True (T), False (F).

22. Students cannot get to the Oxford Secondary School by bus.

23. Oxford Secondary School used to have 30 students in each class.

24. The school holds field trips for students in history class each month.

25. Only 6th grade students have 7 lessons each day.

26. On Lunar's New Year, students perform and decorate their classrooms.

V. WRITING

A. Use the given words and phrases to make complete questions.

27. What / activity / you / find / interesting / about / festival?

.....
.....

28. Where / this / old / tradition / come / from?

.....
.....

29. How / people / usually / hold / this / ceremony?

.....
.....

30. Why / people / celebrate / Halloween?

.....
.....

31. Where / dancers / give / performance / to / celebrate / Halloween?

.....
.....

Complete the second sentence in a way that it is similar in meaning with the first one.

32. Private vehicles cause a lot of emissions to the air. Public transport is safer. (IN CONTRAST)

→

33. Buses are cheap. But they are not as convenient as cars. (HOWEVER)

→

34. Bicycles are popular in this country. A lot of people also travel by buses (SIMILARLY)

→

Read the article and decide which statement is True (T), False (F), Not Given (NG). Write T or F.

Tet or Lunar New Year is one of the biggest traditional festivals in Vietnam. Vietnamese people often celebrate this festival from the end of January to the beginning of February. However, many families start to prepare for Tet from the middle of January. Before this festival, people return home, decorate their houses with flowers and make a lot of special foods. Some popular foods on Tet are Banh Chung and Banh Tet. Tet is usually between 4 or 6 days. On the first night of Tet, people often set off colorful fireworks and many places are very bright with lights. The next four days, many people dress up beautifully in traditional costumes such as Ao Dai. They visit their friends and relatives. There are also a lot of interesting ceremonies and performances to

celebrate the festival. When Tet is over, people return to their daily life to start a happy and healthy year.

35. Lunar New Year is the biggest traditional festival in Vietnam. _____
36. People celebrate Tet from the middle of January to the beginning of February. _____
37. You can enjoy a lot of delicious food on Tet. _____
38. Lunar New Year lasts for 6 days. _____
39. You can see a lot of lights on the first night of Tet. _____

Read the passage and choose the best option (A, B, C or D) for each of the following questions.

Hi, I'm Anna. Last week, my family and I traveled to Vietnam. We arrived in Hanoi on 13th September, just 2 days before the Mid-Autumn Festival or Tet Trung Thu. It also has a different name which is Children's Festival. Children enjoy this festival the most, but it also welcomes adults to have fun. There were many traditional performances on the streets. I watched lion dances. The local dancers dressed up in colorful costumes and gave an excellent performance. My family loved it. They even tried the dance with the dancers. We ate some special foods, but mooncake was the best. That night, the city was very lively as we heard many people cheering. However, it was a bit noisy. There were too many cars and motorbikes on the streets. We returned home early because we needed to return to my country early the next morning. My mother always gets angry if we wake up too late.

40. The Mid-Autumn Festival took place on _____.
A. 13th September B. 15th September C. 11th September
41. _____ can join the festival.
A. Only children B. Only adults C. Children and adults
42. Anna watched a dance performance on the streets. _____ performed the dance.
A. Lions B. Vietnamese people C. Anna's family
43. Anna said there was too much noise on the streets because _____.
A. there were too many vehicles B. too many people were cheering C. there was an accident
44. Her family left early because _____.
A. they needed to fly back home the next morning
B. Anna's mom could be angry if her family woke up late
C. the streets were too noisy

Môn: GIÁO DỤC CÔNG DÂN

PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

Biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường

- Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học mà đối tượng gánh chịu chủ yếu là các học sinh và sinh viên.
- Biểu hiện của bạo lực học đường trong các trường hợp:
 - + Đánh nhau, nói xấu
 - + Cô lập, nói xấu, ghép ảnh chế giễu
- Biểu hiện khác của bạo lực học đường: ngược đãi, lăng mạ, chửi bới, đe dọa, khủng bố, lan truyền những thông tin sai sự thật về người khác,...
- Nguyên nhân của bạo lực học đường trong các trường hợp:
 - + Do sự thiếu hiểu biết về đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống của HS.
 - + Do ảnh hưởng từ môi trường gia đình, xã hội không lành mạnh (bạo lực gia đình, tệ nạn xã hội,...).
 - + Do thiếu sự quan tâm từ gia đình, nhà trường.
 - + Do phương pháp giáo dục sai lầm của gia đình, thầy cô,...

Tác hại của bạo lực học đường

Đối với học sinh:

- HS là nạn nhân của bạo lực học đường: bị tổn thương về thể chất (như các vết thương trên cơ thể, sức

khỏe giảm sút, có thai ngoài ý muốn, tử vong....), tinh thần (buồn bã, hoang mang, lo lắng, sợ hãi, tự ti, trầm cảm, suy sụp, tuyệt vọng,...), vật chất (mất tiền bạc, của cải....), bị ảnh hưởng xấu đến tương lai.

- HS là người gây ra bạo lực học đường: bị cảnh cáo, xử phạt, thiệt hại vật chất và có thể đánh mất tương lai, sự nghiệp.

Đối với gia đình:

- Ảnh hưởng xấu đến tâm lý phụ huynh, người thân trong gia đình (buồn bã, xấu hổ, mặc cảm).
- Làm giảm uy tín, danh dự gia đình.
- Gây nên những thiệt hại vật chất cho gia đình.

Đối với nhà trường

- Làm giảm uy tín nhà trường.
- Gây rối loạn trật tự an ninh trường học và xã hội.

Cách ứng phó với bạo lực học đường

Trước khi xảy ra bạo lực học đường

- HS cần làm:

- + Kết bạn với những bạn tốt.
- + Trang bị cho bản thân những kiến thức, kỹ năng liên quan đến bạo lực học đường: thông báo cho GV hoặc những người lớn đáng tin cậy khi phát hiện nguy cơ bạo lực học đường.
- + Rời khỏi những nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực học đường.

- HS cần tránh:

- + Kết bạn với những bạn xấu.
- + Tò thái độ tiêu cực với bạn bè, tụ tập ở những nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực học đường.

Khi xảy ra bạo lực học đường

- HS cần phải thông báo sự việc với bố mẹ, thầy cô, công an; nhờ người thân, công an, thầy cô hỗ trợ, nhờ sự trợ giúp từ các cơ sở chuyên môn như bệnh viện, phòng tư vấn tâm lý học đường.
- HS cần tránh: giấu giếm, bao che, tự giải quyết bằng các biện pháp tiêu cực

QUẢN LÝ TIỀN

Quản lý tiền hiệu quả và ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả

Ý nghĩa của quản lý tiền hiệu quả

- Quản lý tiền hiệu quả là biết sử dụng tiền một cách hợp lý nhằm đạt được mục tiêu như dự kiến.
- Quản lý tiền hiệu quả giúp mỗi người có thể cân bằng tài chính hiện tại; chủ động tiền bạc để thực hiện các dự định tương lai; đề phòng trường hợp bất trắc xảy ra và có thể giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.

Các nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả:

*) Một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả:

Xác định rõ mục tiêu quản lý tiền trên cơ sở các khoản thu thực tế của bản thân.

Tiết kiệm trước khi chi tiêu, tiết kiệm phải thường xuyên, đều đặn.

Chỉ chi tiêu các khoản cần thiết, tránh lãng phí.

Cách tạo nguồn thu nhập cá nhân :

Để tạo nguồn thu nhập, mỗi người có thể tìm cho mình số công việc phù hợp với độ tuổi, sở thích, và điều kiện của bản thân; để biết quý trọng đồng tiền của bản thân, gia đình và xã hội.

PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Khái niệm và các loại tệ nạn xã hội phổ biến

Tệ nạn xã hội là những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức và pháp luật mang tính phổ biến, gây hậu quả xấu về mọi mặt đối với đời sống xã hội.

Các loại tệ nạn xã hội phổ biến hiện nay : Ma túy, cờ bạc, mại dâm, đua xe....

2. Nguyên nhân và hậu quả của tệ nạn xã hội

Do thiếu kiến thức, thiếu kỹ năng sống; do lười lao động, ham chơi, đua đòi, thích hưởng thụ; do ảnh hưởng của môi trường gia đình, môi trường xã hội tiêu cực

Tệ nạn xã hội gây ra những hậu quả tiêu cực về sức khỏe, tâm lý, tính mạng, kinh tế của bản thân và gia đình; gây rối loạn trật tự xã hội; cản trở sự phát triển của đất nước

3. Một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội

Việc phòng, chống tệ nạn xã hội được Nhà nước ta quy định trong một số văn bản luật như Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Phòng, chống ma túy năm 2021,... Pháp luật

Việt Nam nghiêm cấm tham gia dưới mọi hình thức vào các tệ nạn xã hội ma túy, mại dâm, cờ bạc, mê tín dị đoan,... Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội sẽ bị xử lý theo nhiều hình thức như: cảnh cáo, xử phạt hành chính, phạt tù, tử hình,... tùy thuộc vào mức độ và tính chất vi phạm

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG GIA ĐÌNH

1. Khái niệm gia đình và vai trò của gia đình

- Là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của pháp luật.
- Gia đình có các vai trò cơ bản: duy trì nòi giống, kinh tế, tổ chức đời sống gia đình, nuôi dưỡng, giáo dục con, cháu và góp phần phát triển xã hội.

QUYỀN, NGHĨA VỤ GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

Bình đẳng với nhau có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật

Có nghĩa vụ thương yêu chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình

QUYỀN, NGHĨA VỤ GIỮA CHA MẸ VÀ CON

Cha mẹ

- Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ nuôi dạy con thành công dân tốt, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con.
- Không phân biệt đối xử giữa các con; không ngược đãi, ép buộc con làm điều trái pháp luật, trái đạo đức,.

Các con

Con có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn cha mẹ.

Có nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ và tham gia công việc gia đình phù hợp lứa tuổi.

Giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình...

QUYỀN, NGHĨA VỤ GIỮA ANH CHỊ EM TRONG GIA ĐÌNH

Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

Có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con

Môn: CÔNG NGHỆ

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng nhất (mỗi câu đúng 0,25đ)

Câu 1: Nội dung nào sau đây thể hiện một vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế?

- A. Cung cấp nhiều giống vật nuôi
- B. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người sử dụng hàng ngày
- C. Cung cấp nguồn vắc xin cho con người
- D. Cung cấp nguồn thức ăn cho vật nuôi khác

Câu 2: Một trong những định hướng của ngành chăn nuôi ở nước ta đang hướng là:

- A. chăn nuôi nhỏ lẻ B. chăn nuôi tập trung
- C. chăn nuôi công nghệ cao
- D. chăn nuôi theo từng cá thể đặc trưng

Câu 3: Những vật nuôi được nuôi phổ biến ở nước ta là:

- A. voi, lợn, rùa biển
- B. tê giác, gà, lợn
- C. lạc đà, bò sữa, gà
- D. lợn, bò sữa, gà

Câu 4: Vật nuôi đặc trưng của các tỉnh miền Trung là:

- A. gà Lơ go
- B. gà đông tảo

C. chó Phú Quốc, bò vàng

D. lợn cỏ

Câu 5: Để nhận dạng gà Đông Tảo người ta dựa vào đặc điểm nào sau đây?

A. Có đôi chân nhỏ, thô, lớn nhanh

B. Có đôi chân to, thô, lớn nhanh

C. Có đôi chân to, thô, lớn chậm

D. Có đôi chân nhỏ, thô, màu đen

Câu 6: Các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta chủ yếu là:

A. chăn nuôi nhỏ lẻ

B. chăn nuôi trang trại tập trung

C. chăn nuôi trang trại và nhỏ lẻ

D. chăn nuôi nông hộ và trang trại

Câu 7: Nhược điểm của phương pháp chăn nuôi nông hộ là:

A. hao hụt về chất và lượng của sản phẩm

B. chi phí đầu tư cho chăn nuôi khá cao, chất lượng của sản phẩm không cao

C. khả năng tăng số lượng cá thể chậm

D. năng suất chăn nuôi không cao, nguy cơ dịch bệnh cao

Câu 8: Những ngành nghề nào phổ biến trong chăn nuôi ở nước ta?

A. Kỹ sư xây dựng, bác sỹ thú y

B. Bác sỹ thú y, kỹ sư chăn nuôi

C. Kỹ sư lắp ráp, bác sỹ thú y

D. Kỹ sư xây dựng, kỹ sư chăn nuôi

Câu 9: Để đáp ứng yêu cầu trong chăn nuôi người lao động cần có những kỹ năng nào sau đây?

A. Kỹ năng nuôi dưỡng, kỹ năng chăm sóc, kỹ năng bảo quản tốt các trang thiết bị

B. Kỹ năng nuôi dưỡng, kỹ năng chăm sóc, kỹ năng quản lý đàn vật nuôi

C. Kỹ năng quản lý đàn vật nuôi, kỹ năng bảo quản thức ăn

D. Kỹ năng nuôi dưỡng, kỹ năng bảo quản thức ăn, kỹ năng dự báo

Câu 10: Phát biểu nào sau đây không phải vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế?

A. Cung cấp phương tiện di chuyển, sức kéo

B. Cung cấp lương thực, thực phẩm

C. Cung cấp dịch vụ du lịch

D. Sản xuất vắc-xin

Câu 11: Phương pháp nào dưới đây không phù hợp với nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non?

A. Nuôi vật nuôi mẹ tốt

B. Kiểm tra năng suất thường xuyên

C. Giữ ấm cơ thể

D. Giữ vệ sinh, phòng bệnh cho vật nuôi non

Câu 12: Đặc điểm nào dưới đây không phải là đặc điểm nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi cái sinh sản trong giai đoạn mang thai?

A. Nuôi thai

B. Nuôi cơ thể mẹ và tăng trưởng

C. Tạo sữa nuôi con

D. Chuẩn bị cho tiết sữa sau đẻ

Câu 13: Có mấy nguyên nhân sinh ra bệnh ở vật nuôi?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 14: Biện pháp nào dưới đây không đúng khi phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

A. Bán hoặc mổ thịt vật nuôi ốm

B. Tiêm phòng đầy đủ vắc xin

C. Vệ sinh môi trường sạch sẽ

D. Cách li vật nuôi bị bệnh với vật nuôi khỏe

Câu 15: Khi vật nuôi mắc bệnh chữa trị không hết, thì không nên làm việc nào dưới đây?

- A. Cách ly vật nuôi theo dõi thêm
- B. Bán ngay khi có thể
- C. Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám
- D. Vệ sinh môi trường sạch sẽ

TỰ LUẬN :

Câu 1 : Trình bày vai trò của phòng trị bệnh cho vật nuôi ?

Câu 2 : Trình bày 1 số nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi ?

Câu 3 : Trình bày cách cho gà ăn hợp lý theo từng lứa tuổi ?

Câu 4 : Trình bày các biểu hiện , nguyên nhân, cách phòng trị bệnh khi gà bị bệnh tiêu chảy ?